Số: 51/NQ-HĐND
Thời gian ký: 2026-11-15T19:29:10+07:00

Phụ lục IV.1

BỐ TRÍ VỐN THANH TOÁN CÔNG NỢ SAU QUYẾT TOÁN NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
	TỔNG SỐ A+B				**11.199.795**	**11.054.864**	**100.040**	**89.366**	**10.674**	
A	**DỰ ÁN DO TỈNH QUẢN LÝ**				**8.854.019**	**8.856.785**	**56.204**	**53.383**	**2.821**	
A.1	**Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình NN và PTNT tỉnh An Giang**				**559.553**	**556.772**	**2.781**	**2.781**	**-**	
1	Cống kênh 13 trên đê bao ngoài vùng Đệm U Minh Thượng	7194101	73/QĐ-STC	8/27/2019	6.479	6.375	104	104	-	
2	Cống kênh 12 trên đê bao ngoài vùng đệm U Minh Thượng	7194104	72/QĐ-STC	8/27/2019	6.139	5.975	164	164	-	
3	Xây dựng mới trụ sở Trung tâm Khuyến nông Kiên Giang	7676868	07/QĐ-STC	1/7/2020	9.522	9.514	8	8	-	
4	Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Trạm chăn nuôi và Thú Y - Trạm khuyến nông thị xã Hà Tiên	7681824	08/QĐ-STC	1/7/2020	2.726	2.713	13	13	-	
5	Cống Kênh Cụt	7367809	2318/QĐ-BNN-TC	22/06/2020	259.081	259.076	5	5	-	
6	Trại giống thứ 6 biển xã Nam Thái	7843244	44/QĐ-STC	5/21/2021	1.171	1.158	13	13	-	
7	Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Giang Thành	7814372	35/QĐ-STC	4/27/2021	1.514	1.499	15	15	-	
8	Đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp xã Vĩnh Phong huyện Vĩnh Thuận	7023200	2536/QĐ-UBND; 310/QĐ-UBND	02/11/2020, 30/08/2023	95.535	95.365	171	171	-	
9	Nâng cấp mở rộng Cảng cá An Thới	7256275	41/QĐ-STC	3/29/2022	58.799	58.665	134	134	-	
10	Đóng mới 2 tàu Kiểm Ngư trang bị cho lực lượng tranh tra chuyên ngành thủy sản Kiên Giang	7648878	2870/QĐ-UBND	11/22/2021	42.681	42.630	51	51	-	
11	Đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước Bãi Nhà thuộc xây mới và sửa chữa, nâng cấp cụm hồ Kiên Hải	7194109	983/QĐ-UBND	3/24/2026	75.906	73.802	2.103	2.103	-	
A.2	**Công an tỉnh**				**169.632**	**156.414**	**499**	**499**	**-**	
1	Đầu tư xây dựng các phân hệ đô thị thông minh an toàn và Trung tâm Giám sát điều hành Công an tỉnh		520/QĐ-STC; 326/QĐ-STC	30/12/2024; 12/06/2025	123.463	120.433	344	344	-	
2	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thạnh, Bình An (huyện Kiên Lương, Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo sửa chữa, xây dựng mới Cơ sở làm việc Công an xã Bình An (huyện Châu Thành)		191/QĐ-UBND	1/14/2026	10.234	-	36	36	-	
3	Trụ sở Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Châu Đốc - Phú Tân	7004692	2126/QĐ-UBND	12/30/2024	26.139	26.212	91	91	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
4	Mua sắm thiết bị thành lập Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao	7004692	820/QĐ-UBND	5/23/2025	9.796	9.769	27	27	-	
A.3	**Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**				**104.746**	**100.844**	**3.694**	**3.694**	**-**	
1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Kiên Giang (giai đoạn 1)	7004686	25/QĐ-STC	2/9/2022	70.604	70.153	451	451	-	
2	Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường và thị trấn thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang (Trụ sở: xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, xã Định An, xã Vĩnh Phước B, thị trấn Gò Quao, xã Thủy Liễu, xã Long Thạnh, thị trấn Giồng Riềng, xã Thạnh Hòa, xã Hòa An, xã Ngọc Trúc, xã Thạnh Phước)	7004686	04/QĐ-STC	1/5/2024	9.927	9.452	476	476	-	
3	Bến cập tàu Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang	7004686	16/QĐ-STC	3/23/2024	14.485	11.783	2.702	2.702	-	
4	Tiểu đoàn Bộ binh 207 (HM: Xây dựng nhà ở đại đội…nhà xe, kệ lau súng)		49/QĐ-STC	3/30/2018	3.491	3.293	34	34	-	
5	Trường bắn Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tri Tôn Xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	7004686	349/QĐ- UBND	7/28/2025	6.238	6.164	30	30	-	
A.4	**Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**				**1.190.076**	**1.161.024**	**1.153**	**1.153**	**-**	
1	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha GT số 109: Hàng rào khu công nghiệp Thạnh Lộc	7007623	31/QĐ-STC	4/5/2021	2.941	2.754	130	130	-	
2	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha GT số 109: Hàng rào khu công nghiệp Thạnh Lộc	7007623	31/QĐ-STC	4/5/2021	2.941	2.754	47	47	-	
3	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha GT số 109: Hàng rào khu công nghiệp Thạnh Lộc	7007623	31/QĐ-STC	4/6/2021	2.941	2.754	10	10	-	
4	Gói thầu số 05 điểm tập kết kiểm tra xuất, nhập khẩu tại Cửa khẩu Quốc tế Hà Tiên	7716085	35/QĐ-STC	3/18/2022	10.581	10.570	41	41	-	
5	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha (Phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và hỗ trợ để giải tỏa, GPMB khu vực quy hoạch KCN Thạnh Lộc (phương án 18,34ha))	7007623	61/QĐ-STC	6/20/2022	38.633	38.612	20	20	-	
6	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha (GT số 135: Hàng rào KCN Thạnh Lộc đoạn dài 942,497m (từ Km0+762,85 đến Km1 + 705,347) và dài 884,7 (từ Km0+0,000 đến Km0+884,7))	7007623	07/QĐ-STC	1/9/2023	6.523	6.475	34	34	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
7	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha (Phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và hỗ trợ để giải toả, GPMB khu vực quy hoạch KCN Thạnh Lộc - phương án mở rộng 09ha)	7007623	171/QĐ-STC	6/8/2023	15.986	15.956	30	30	-	
8	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (CT số 148: Tư vấn điều chỉnh dự án (QT dỡ dang))	7007623	371/QĐ-STC	10/9/2023	296	295	2	2	-	
9	ĐTXD hạ tầng kỹ thuật KCN Thuận Yên thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Tư vấn điều chỉnh dự án (QT dỡ dang))	7007650	369/QĐ-STC	10/9/2023	652	648	4	4	-	
10	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha (Phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và hỗ trợ để giải toả, GPMB khu vực quy hoạch KCN Thạnh Lộc (mở rộng 3ha))	7007623	318/QĐ-STC	8/30/2024	6.059	6.062	16	16	-	
11	DA DTXD HTKT Khu công nghiệp Xẻo Rô (7896921)	7896921	970/QĐ-UBND	3/24/2026	265	265	1	1	-	
12	DA Khu công nghiệp Thạnh Lộc GD2 (7896922) - (2.2021.1126)	7896922	969/QĐ-UBND 24/3/26	3/24/2026	145	145	1	1	-	
13	Hỗ trợ chi phí SLMB nhà máy bia Sài Gòn - Kiên Giang	7007623	2366/QĐ-UBND	10/24/2016	20.924	10.000	125	125	-	
14	Hỗ trợ chi phí san lấp mặt bằng Nhà máy sản xuất dày dép TBS Kiên Giang của Công ty Cổ phần Thái Bình Kiên Giang		1768/QĐ-UBND	5/8/2019	20.997	-	126	126	-	
15	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha GT số 92: Nắp đan rãnh thoát nước mưa đường số 1 dài 1536,35m; đường số 2 dài 1097,51m; đường số 4 dài 616m; nút giao thông đường số 2 và đường số 4	7007623	107/QĐ-STC	12/13/2019	2.612	2.592	10	10	-	
16	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha GT số 144: Trồng cây xanh đường số 1 đoạn dài 1.559,65 m (trồng dải phân cách), đường số 2 đoạn dài 1.125,34 m và một phần khu cây xanh CX5 (0,203 ha)	7007623	25/QĐ-STC	3/16/2021	1.006	1.001	5	5	-	
17	Hạ tầng kỹ thuật KCN Thạnh Lộc (mới) GĐ 1 quy mô 150ha (Phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và hỗ trợ để giải toả, GPMB khu vực quy hoạch KCN Thạnh Lộc)	7007623	172/QĐ-STC	3/6/2025	92.171	96.164	127	127	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
18	Nâng cấp tuyến đường phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp đê bao ngăn lũ vùng tứ giác Long Xuyên đoạn từ Châu Đốc - Cửa khẩu Tịnh Biên (ĐT.955A)		3440/QĐ-UBND	7/20/2026	964.403	963.977	426	426	-	
A.5	**Ban quản lý dự án ĐTXD-Giao thông tỉnh An Giang**				**794.146**	**882.299**	**3.333**	**3.333**	**-**	
1	Quốc lộ 80 Kiên Giang (HM:Lề bộ hành, bó vỉa đoạn km 248 đến km 251)		62/QĐ-STC	4/11/2012	729	1.513	1	1	-	
2	Cầu MoSo (HM: Bồi thường giải tỏa)		314/QĐ-STC	12/21/2012	20	20	0	0	-	
3	ĐTXD các tuyến đường từ huyện về TT xã chưa có đường ô tô ở các huyện TH-GQ-VT (HM:Đường TT xã Tân Thành)		1826/QĐ-UBND	8/28/2014	19.840	20.155	22	22	-	
4	Kè đường Bến Nhứt - Giồng Riềng (phần khối lượng xây lắp kè)		2071/QĐ-UBND	10/2/2014	23.980	24.632	58	58	-	
5	Xây dựng cầu Ninh Phước (Km 18 + 200) (HM: Bồi hoàn giải tỏa)		248/QĐ-STC	12/27/2014	1.818	1.850	4	4	-	
6	CSHT Khu du lịch Hòn Trẹm - Chùa Hang (HM: Đường nội bộ)		92/QĐ-STC	6/3/2014	609	544	2	2	-	
7	CSHT giai đoạn I khu công viên văn hoá An Hoà (HM: Bờ kè hồ nhân tạo (rọ đá + trồng cỏ))		116/QĐ-STC	7/4/2014	780	657	2	2	-	
8	Cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 80 Đoạn đi qua TPRG (HM: Lề bộ hành, bó vỉa đường Trần Phú - 30/4 - Mạc Cửu - Đồng Khởi (QTBS))		208/QĐ-STC	12/26/2017	822	815	8	8	-	
9	Công trình củng cố PT HT thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh KG GĐ 2008-2010 (HM: Chi phí lập DA + thẩm tra TKDT)		132/QĐ-STC	8/21/2017	24.975	22.795	1	1	-	
10	Khu nuôi dưỡng bệnh nhân tâm thần - TT bảo trợ XH tỉnh KG (Gói thầu số 08 Mua sắm thiết bị GĐ2)		59/QĐ-STC	4/18/2018	897	875	5	5	-	
11	Cải tạo và nâng cấp Quốc lộ 80 tỉnh Kiên Giang (kinh phí chi trả GPMB)		255/QĐ-STC	11/6/2018	1.057	1.230	10	10	-	
12	Dự án ĐTXD Đường Đồng Tranh (Từ ĐT.973 đến Bãi Vòng)	7566503	Quyết định số 3019/QĐ-UBND	12/31/2019	57.128	56.985	144	144	-	
13	ĐTXD nâng cấp mở rộng cầu Lộ Quẹo đường tỉnh ĐT.962, huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang	7709855	Quyết định số 103/QĐ-STC	8/7/2020	5.803	5.795	8	8	-	
14	Dự án ĐTXD đường Mỹ Thái, hạng mục xây dựng 06 cầu, huyện Hòn Đất tỉnh Kiên Giang	7709856	Quyết định số 54/QĐ-STC	6/2/2021	13.288	13.272	16	16	-	
15	Dự án ĐTXD Đường Nam Thái Sơn (đoạn từ Quốc Lộ 80 đến giáp ranh tỉnh An Giang)	7625486	Quyết định số 3122/QĐ-UBND	12/16/2021	78.876	78.239	637	637	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
16	Trường THPT Đông Thái, An Biên (Dãy nhà 1 (3 tầng 18 phòng))		15/QĐ-STC	1/27/2021	9.377	9.378	15	15	-	
17	Trường TH và THCS Tân Hiệp A3, hạng mục: Xây dựng mới nhà đa năng hoàn thành	8123214	2890/QĐ-UBND	6/22/2026	3.000	2.718	22	22	-	
18	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành	8055611	3812/QĐ-UBND	8/11/2026	14.305	13.566	740	740	-	
19	Trường Trung học phổ thông Thoại Ngọc Hầu	8017328	3813/QĐ-UBND	8/12/2026	13.820	13.761	59	59	-	
20	Trường TH Hoà Tiến, hạng mục: 08 phòng học và các hạng mục khác		2713/QĐ-UBND	6/10/2026	6.662	6.420	33	33	-	
21	Trung tâm văn hoá, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành (Gói thàu số 01: Xây dựng khối nhà làm việc; nhà thể thao đa năng; nhà vệ sinh công cộng; cổng hàng rào; san lấp mặt bằng; nhà xe nhân viên;…Gói thầu số 02: Xây dựng hệ thống điện (trạm biến áp), chiếu sáng		2272/QĐ-UBND	5/19/2026	20.834	20.763	71	71	-	
22	Trung tâm văn hoá thể thao huyện Kiên Hải (GT số 07: Mua sắm thiết bị)		2563/QĐ-UBND	5/29/2026	8.983	9.208	1	1	-	
23	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Gò Quao		1521/QĐ-UBND	4/29/2026	9.498	6.563	36	36	-	
24	Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ, phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh truyền hình Kiên Giang		3283/QĐ-UBND	7/13/2026	32.604	32.529	76	76	-	
25	Sửa chữa, cải tạo nhà ở học viên và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho nhà lưu trú công vụ của công chức, viên chức, người lao động tỉnh An Giang		3309/QĐ-UBND	7/14/2026	15.699	15.640	59	59	-	
26	Cải tạo nâng cấp mặt đường và xây kè tuyến ĐT941		3442/QĐ-UBND	7/20/2026	257.510	258.241	871	871	-	
27	Dự án ĐTXD đường Thứ Hai đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng tỉnh Kiên Giang		434/QĐ-UBND	1/30/2026	147.083	244.096	334	334	-	
28	Dự án Cải tạo, nâng cấp và khắc phục sự cố công trình tại Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang		3496/QĐ-UBND	7/22/2026	10.109	10.085	39	39	-	
29	Dự án Cải tạo, sửa chữa văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang		468/QĐ-STC	12/3/2024	14.041	9.956	62	62	-	
30	Xây dựng mới hội chữ thập đỏ tỉnh Kiên Giang	7410282	…/QĐ-STC		-	-	1	1	-	
A.6	**Trường Chính trị Tôn Đức Thắng**				**120.902**	**115.648**	**5.255**	**5.255**	**-**	
1	7581670 - Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	7581670	2275/QĐ-UBND	12/1/2025	120.902	115.648	5.255	5.255	-	
A.7	**Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang (cũ) nay là Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Khu vực 1**				**16.381**	**16.058**	**323**	**323**	**-**	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
1	Khu TĐC cặp đường số 01 (gđ 3), thuộc khu Quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hổ & khu hành chính tỉnh và TPLX	7318415	535/QĐ-UBND	8/11/2025	16.381	16.058	323	323	-	
A.8	**Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn An Giang**				**1.687**	**1.671**	**16**	**16**	**-**	
1	Ống chuyển tải hệ thống cấp nước Tây Phú - Vọng Thê, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang		215/QĐ-STC	2/1/2019	887	878	8	8	-	
2	Hệ thống cấp nước Văn Trà – Văn Giáo, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang		286/QĐ-STC	3/1/2019	800	793	8	8	-	
A.9	**Ban Quản lý dự án tỉnh**				**5.265.113**	**5.230.974**	**35.924**	**33.121**	**2.803**	
	BAN QLDA TỈNH AN GIANG				2.874.274	2.869.656	5.683	5.680	3	
1	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật An Giang	7589273	973/QĐ-UBND	6/13/2025	16.949	16.940	8	8	-	
2	Trụ sở làm việc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	7912805	1057/QĐ-UBND	3/30/2026	38.383	38.378	6	6	-	
3	Xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch và phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2020-2025	7891915	802/QĐ-UBND	21/05/2025	553	551	2	2	-	
4	Dự án Kè quản lý khu đất bãi bồi tiếp giáp Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng	7897227	1490/QĐ-UBND	24/4/2026	23.584	23.133	450	450	-	
5	Chống sạt lở sông Hậu, tỉnh An Giang	7640432	2591/QĐ-UBND	02/6/2026	168.834	168.130	704	704	-	
6	Kè chống sạt lở bờ sông Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh	7837294	1488/QĐ-UBND	24/4/2026	26.003	25.908	95	95	-	
7	Sửa chữa Nhà thiếu nhi tỉnh An Giang	8044517	560/QĐ-UBND	2/9/2026	7.422	7.398	24	24	-	
8	Bổ sung Trang thiết bị của Trường Chính Trị Tôn Đức Thắng	8088894	3343/QĐ-UBND	7/15/2026	6.684	6.666	18	18	-	
9	Cải tạo, nâng cấp, mua sắm thiết bị Trường trung học phổ thông chuyên Thoại Ngọc Hầu	8045377	3053/QĐ-UBND	06/2026	5.836	5.822	37	37	-	
10	Xử lý sạt lở sông Hậu bảo vệ Quốc lộ 91 đoạn qua huyện Châu Phú	7774115	1737/QĐ-UBND	7/7/2022	153.513	153.182	331	331	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
11	Xây dựng cầu Kênh Xáng – ĐT.946, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	7854538	1418/QĐ-UBND	20/04/2026	32.894	32.671	244	244	-	
12	Xây dựng cầu Sắt Giữa – ĐT.955B, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	7880924	2371/QĐ-UBND	5/28/2026	44.156	43.861	296	296	-	
13	Xây dựng cầu Mướp Văn – ĐT.943, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang	7854537	1417/QĐ-UBND	20/04/2026	60.525	60.521	3	3	-	
14	Nâng cấp tuyến đường phục vụ an ninh quốc phòng kết hợp đê bao ngăn lũ vùng tứ giác Long Xuyên đoạn từ Châu Đốc - Cửa khẩu Tịnh Biên (ĐT.955A)	7341069	3340/QĐ-UBND	20/07/2026	964.403	963.977	426	426	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
15	Cải tạo nâng cấp mặt đường và xây kè tuyến ĐT941	7008263	3342/QĐ-UBND	7/20/2026	258.241	257.510	731	731	-	
16	Xây dựng mới khoa xét nghiệm và khoa giải phẫu bệnh lý thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh	7919099	345/QĐ-UBND	28/7/2026	38.714	38.628	86	86	-	
17	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực Tứ giác Long Xuyên nối với huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (ĐT.945)	8077321	3428/QĐ-UBND	7/17/2026	9.256	9.218	39	39	-	
18	Bệnh viện Y Học Cổ Truyền An Giang	7612696	3921/QĐ-UBND	8/19/2026	186.305	186.300	5	5	-	
19	Mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh	7613064	3719/QĐ-UBND	8/6/2026	67.948	67.572	376	376	-	
20	Sửa chữa Khối nhà điều hành – Hội trường thuộc Trường Cao đẳng y tế An Giang hoàn thành		2888/QĐ-UBND	6/22/2026	2.202	2.220	1	1	-	
21	XD Cống chợ rạch Ông Kỹ		5502/QĐ-UBND	9/6/2025	1.035	1.034	3	-	3	
22	CDC xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới	7855383	1397/QĐ-UBND	4/17/2026	16.859	16.541	328	328	-	
23	CT Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã Kiến Thành - Chợ Mới	7569158	1537/QĐ-UBND	5/4/2026	9.639	9.046	38	38	-	
24	CT Trường MG thị trấn Óc Eo điểm chính (ấp Tân Hiệp A), huyện Thoại Sơn	7952207	2123/QĐ-UBND	5/7/2026	2.056	2.044	30	30	-	
25	CT Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vòng 03 xã cù lao Giêng, huyện Chợ Mới	7926602	2146/QĐ-UBND	5/8/2026	60.089	60.040	84	84	-	
26	DA thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	8055298	2386/QĐ-UBND	5/28/2026	891	887	4	4	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
27	DA Trường THCS Triệu Thị Trinh, thành phố Long Xuyên		2889/QĐ-UBND	6/22/2026	61.303	61.230	83	83	-	
28	DA Nâng cấp đường tỉnh 942 (đoạn Cựu Hội - Hội An), huyện Chợ Mới	7013181	3430/QĐ-UBND	7/17/2026	38.464	38.510	42	42	-	
29	DA Khắc phục sạt lở bờ hữu sông Hậu khu vực phường Bình Đức, TP Long Xuyên (CĐT làm lại BCQT theo chủ trương được UBND tỉnh duyệt)	7379074	3439/QĐ-UBND	7/20/2026	316.995	316.680	192	192	-	
30	DA Hồ chứa nước Thanh Long, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên	7004407	3562/QĐ-UBND	7/27/2026	60.540	60.581	90	90	-	
31	DA Khu hành chính TP. Long Xuyên	7026696	3576/QĐ-UBND	7/27/2026	176.695	176.754	851	851	-	
32	Trường tiểu học Tân Tuyến điểm chính (Tân An)	7956572	3791/QĐ-UBND	10/8/2026	14.726	15.149	55	55	-	
33	Xây dựng Hội trường HĐND - UBND thị trấn Ba Chúc	8092770	3831/QĐ-UBND	12/8/2026	2.575	2.574	1	1	-	
II	BAN QLDA KHU VỰC I				913.341	900.405	14.878	14.312	566	
	Ban QLDA KHU VỰC I (KV Chợ Mới)				252.408	241.142	12.094	12.094	-	
1	Trụ sở UBND xã Hội An	7916726	819/QĐ-UBND	23/5/2025	13.402	12.040	530	530	-	
2	Cải tạo Đình Long Kiến	7927576	1239/QĐ-UBND	28/6/2025	4.910	4.710	200	200	-	
3	Trường Mẫu giáo Mỹ Luông (điểm chính mới)	7580598	1340/QĐ-UBND	4/13/2026	10.167	9.618	567	567	-	
4	Dự án nâng cấp hạ tầng thủy lợi tiểu vùng Mỹ Long - Mỹ Khánh	7903594	5726/QĐ-UBND	16/6/2025	2.776	2.734	27	27	-	
5	Cải tạo, phục dựng Chùa Long Hòa	7918736	1034/QĐ-UBND	23/6/2025	3.081	2.971	110	110	-	
6	Trường THCS Long Kiến	7642127	1776/QĐ-UBND	13/07/2022	27.764	25.881	3	3	-	
7	Trường Tiểu học B Hội An điểm chính (An Thới)	7884211	1291/QĐ- UBND	30/9/2025	19.216	17.909	1.408	1.408	-	
8	Trường Tiểu học A Mỹ An điểm phụ (Mỹ Phú)	7879487	1695/QĐ- UBND	28/10/2025	5.132	5.051	81	81	-	
9	Trường Trung học cơ sở Hòa An	7609783	1697/QĐ- UBND	28/10/2025	22.670	21.752	1.274	1.274	-	
10	Cải tạo Dinh Nguyễn Hữu Cảnh	7912190	548/QĐ-UBND	2/9/2026	3.685	3.671	24	24	-	
11	Trường tiểu học B Mỹ Hiệp điểm chính (Đông Châu)	7611422	613/QĐ-UBND	2/11/2026	7.557	7.235	346	346	-	
12	Trường tiểu học A An Thạnh Trung điểm phụ (An Long)	7879484	614/QĐ-UBND	2/11/2026	3.634	3.594	49	49	-	
13	Trường tiểu học C Nhơn Mỹ điểm chính (Nhơn Hiệp)	7878495	816/QĐ-UBND	3/9/2026	19.392	18.217	1.197	1.197	-	
14	Trường THCS Bình Phước Xuân	7713572	2605/QĐ-UBND	6/2/2026	16.632	15.801	831	831	-	
15	Trường tiểu học C Nhơn Mỹ điểm phụ (Nhơn Hiệp)	7871732	2665/QĐ-UBND	6/8/2026	4.305	3.799	506	506	-	
16	Hệ thống xử lý nước thải trạm y tế xã Bình Phước Xuân, Mỹ An, Long Giang, Mỹ Hội Đông	7911672	2758/QĐ-UBND	6/12/2026	1.412	1.407	6	6	-	
17	Trường THCS Tấn Mỹ	7692817	2799/QĐ-UBND	16/6/2026	23.468	22.758	710	710	-	
18	Trường TH C Long Giang (Long Hoà)	7882672	2714/QĐ-UBND	10/6/2026	19.563	16.778	2.787	2.787	-	
19	Cải tạo và nâng cấp Trụ sở Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Mới	7611392	3035/QĐ-UBND	30/6/2026	10.668	10.220	449	449	-	
20	Trung tâm văn hoá, thể thao xã Mỹ An	7925222	3079/QĐ-UBND	2/7/2026	5.064	4.885	179	179	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
21	Trung tâm văn hoá, thể thao xã An Thạnh Trung	7925033	3248/QĐ-UBND	9/7/2026	4.750	4.406	347	347	-	
22	Trung tâm văn hoá, thể thao xã Hội An	7925223	3257/QĐ-UBND	10/7/2026	4.313	4.101	211	211	-	
23	Trường THCS Thị Trấn Chợ Mới	7032857	3479/QĐ-UBND	21/7/2026	15.662	18.757	253	253	-	
24	San lấp mặt bằng và cống qua đường 600- Cụm dân cư ấp An Thuận		149/QĐ-STC	5/22/2009	3.034	2.698	1	1	-	
25	Hệ thống hạ tầng Cụm công nghiệp Mỹ An, huyện Chợ Mới		113/QĐ-STC	7/8/2013	151	151	1	1	-	
	Ban QLDA KHU VỰC I (KV Thoại Sơn)				184.490	183.709	1.393	1.393	-	
1	Xây dựng hàng rào, via hè và hệ thống cống thoát nước Nhà trưng bày Văn hóa Óc Eo	7964392	1235/QĐ-UBND	28/6/2025	4.040	4.017	23	23	-	
2	Trường Trung học cơ sở Vĩnh Trạch	7420113	1041/QĐ-UBND	24/6/2025	28.921	28.957	130	130	-	
3	Trường Trung học cơ sở Định Thành	7599103	1446/QĐ- UBND	10/10/2025	17.737	16.920	823	823	-	
4	Trường Mẫu giáo thị trấn Óc Eo điểm lẻ (ấp Trung Sơn)	7953257	1431/QĐ- UBND	09/10/2025	8.341	8.266	75	75	-	
5	Dự án Nâng cấp tuyến tránh thị trấn Núi Sập	7651745	3435/QĐ-UBND	20/7/2026	91.373	91.579	224	224	-	
6	Dự án Dự án nhà thiếu nhi huyện Thoại Sơn	7288524	3016/QĐ-UBND	30/6/2026	34.079	33.970	118	118	-	
	Ban QLDA KHU VỰC I (KV LONG XUYÊN)				476.443	475.554	1.391	825	566	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn TPLX giai đoạn 2021-2025	7977421	101/QĐ-UBND	22/01/2025	7.409	7.225	13	13	-	
2	Khu dân cư Hòa Thạnh 1 giai đoạn 2	7026708	6761/QĐ-UBND	30/6/2025	14.832	14.684	149	-	149	
3	Cải tạo mở rộng bệnh viện đa khoa thành phố Long Xuyên	7099184	1238/QĐ-UBND	28/6/2025	57.523	57.523	34	-	34	
4	Trường TH Nguyễn Văn Cưng	7023790	6758/QĐ-UBND	30/6/2025	5.345	5.328	21	-	21	
5	Khu hành chính thành phố Long Xuyên (giai đoạn 2)	7446708	6760/QĐ-UBND	30/6/2025	119.833	120.028	108	-	108	
6	Trường Trung học cơ sở Mạc Đĩnh Chi	7261424	3274/QĐ-UBND	13/07/2026	33.125	32.875	251	-	251	
7	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Long Xuyên	7954546	3275/QĐ-UBND	13/07/2026	64.105	64.158	172	172	-	
8	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng (điểm Phụ)	7583017	3286/QĐ-UBND	13/07/2026	15.030	14.971	59	59	-	
9	Trường tiểu học Nguyễn Hữu Cảnh	7406951	2989/QĐ-UBND	26/06/2026	22.323	22.030	302	302	-	
10	Trường mẫu giáo Hoa Mai (điểm chính)	7483384	2255/QĐ-UBND	15/05/2026	26.067	25.995	124	124	-	
11	Khắc phục sạt lở bờ Bắc kênh Rạch Giá - Long Xuyên tại khu vực tổ 15, ấp Bình Khánh, xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên	8034428	2253/QĐ-UBND	15/05/2026	38.815	38.829	20	20	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
12	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản (điểm phụ 2 - khóm Tây Khánh 6)	7576785	1442/QĐ-UBND	22/04/2026	9.724	9.672	52	52	-	
13	Trường THCS Triệu Thị Trinh		2889/QĐ-UBND	6/22/2026	61.303	61.230	83	83	-	
14	Trường Tiểu học Phan Bội Châu	7729576	6/26/2025	6/26/2025	1.010	1.007	3	-	3	
III	BAN QLDA KHU VỰC II				473.068	468.656	4.116	3.989	127	
	Ban QLDA KV II (KV Châu Thành)				111.361	109.882	1.053	1.017	36	
1	Trường tiểu học "A" Vĩnh Bình	không có mã	405/QĐ-STC	12/2009	1.402	1.396	6	-	6	
2	Đường GTNT đến trung tâm xã Bình Hòa (đoạn từ Quốc lộ 91 đến Mương Út Xuân). Hạng mục: Đường Giao thông	7009280	1451/QĐ-UBND ngày 10/05/2017	05/2017	5.111	5.075	36	36	-	
3	Đường GTNT đến trung tâm xã Vĩnh Nhuận. Hạng mục: Đường Giao thông	7266356	3951/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	12/2017	15.133	15.034	99	99	-	
4	Cải tạo Đình Bình Phú	7988713	541/QĐ-UBND ngày 06/02/2026	2/6/2026	6.529	5.981	577	577	-	
5	Trường tiểu học A Vĩnh An điểm phụ 1 (Vĩnh Quới - TL 941)	7948751	09/QĐ-UBND	1/5/2026	3.787	3.765	22	-	22	
6	Nâng cấp, cải tạo Trạm Y tế xã Vĩnh Bình	7910675	1032/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	06/2025	1.601	1.591	9	9	-	
7	Trường tiểu học A Vĩnh An điểm phụ 2 (Vĩnh Quới - Dinh Sơn Trung)	7949219	2710/QĐ-UBND ngày 10/6/2026	06/2026	3.571	3.535	37	37	-	
8	Trường tiểu học B Bình Thạnh điểm phụ (Thạnh Phú)	7947230	2120/QĐ-UBND ngày 07/5/2026	05/2026	7.718	7.599	120	120	-	
9	Trường tiểu học C Vĩnh Hanh điểm chính (Vĩnh Lợi)	7962925	2167/QĐ-UBND ngày 11/5/2026	05/2026	16.971	16.984	68	68	-	
10	Trường tiểu học A Bình Hòa (điểm chính) Phú Hòa 1	7612674	2796/QĐ-UBND ngày 16/6/2026	06/2026	15.765	15.848	60	60	-	
11	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Châu Thành	7936875	3249/QĐ-UBND ngày 09/7/2026	07/2026	29.966	29.956	10	10	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
12	Hạng mục: 04 phòng học - San lấp mặt bằng Trường Tiểu học "A" Vĩnh An		69/QĐ-STC	3/9/2009	1.022	932	3	-	3	
13	Hạng mục: San lấp mặt bằng Khu Trung tâm thương mại thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang		402/QĐ-STC	12/31/2009	2.785	2.187	6	-	6	
	Ban QLDA KV II (KV Châu Phú)				202.869	201.201	1.793	1.793	-	
1	Trường tiểu học "A" Ô Long Vĩ điểm chính (Long An)	7725641	1430/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	10/2025	19.022	18.860	162	162	-	
2	Trường THCS Ô Long Vĩ (điểm chính Long An)	7748241	2678/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	12/2025	36.355	36.188	176	176	-	
3	Trường tiểu học D Vĩnh Thạnh Trung điểm chính (Vĩnh An)	7661147	460/QĐ-UNBD ngày 03/02/2026	02/2026	21.548	21.412	207	207	-	
4	Trường mẫu giáo Ô Long Vĩ (điểm chính Long An)	7703379	2166/QĐ-UBND ngày 11/05/2026	05/2026	15.892	15.822	88	88	-	
5	Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Bình Long	7901136	3013/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	06/2026	12.779	12.083	702	702	-	
6	Trường trung học cơ sở Vĩnh Thạnh Trung	7648472	3250/QĐ-UBND ngày 09/7/2026	07/2026	19.885	19.754	131	131	-	
7	Cầu số 10 nối tỉnh lộ 941 huyện Châu Thành với đường Nam kênh 10 huyện Châu Phú	7877635	3218/QĐ-UBND ngày 08/7/2026	07/2026	31.742	31.688	54	54	-	
8	Xây dựng Cầu chữ S, huyện Châu Phú		09/QĐ-STC	2/27/2012	1.166	1.163	3	3	-	
9	Láng nhựa đường vòng xã Bình Thuỷ	7950819	3628/QĐ-UBND ngày 30/07/2026	30/07/2026	27.193	27.039	154	154	-	
10	Trường Mẫu giáo Bình Long điểm chính (Chánh Hưng)	7906327	4245/QĐ-UBND ngày 10/09/2026	10/09/2026	17.287	17.191	117	117	-	
	Ban QLDA KV II (KV Châu Đốc)				158.837	157.573	1.271	1.180	91	
1	Cổng chào Khu du lịch Quốc gia Núi Sam	7884888	1371/QĐ-UBND ngày 06/10/2025	10/2025	10.860	10.769	91	-	91	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
2	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	8073304	3795/QĐ-UBND ngày 10/08/2026	10/08/2026	8.936	8.375	561	561	-	
3	Nhà thi đấu đa năng thành phố Châu Đốc	7290643	2325/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	05/2026	139.041	138.428	619	619	-	
IV	**BAN QLDA KHU VỰC III**				**385.386**	**377.452**	**8.087**	**6.980**	**1.107**	
	Ban QLDA KV III (KV An Phú)				143.198	142.606	1.060	987	73	
1	Cải tạo đình Vĩnh Thành	7944857	1369/QĐ-UBND	10/2025	3.344	3.313	31	-	31	
2	Cải tạo Chùa Phước Trường	7944858	1370/QĐ-UBND	10/2025	4.321	4.279	42	-	42	
3	Trường tiểu học Phước Hưng điểm phụ (Phước Thạnh)	7927575	1390/QĐ-UBND	04/2026	7.278	7.042	237	237	-	
4	Phân Hiệu THCS Đa Phước	7573920	2127/QĐ-UBND	05/2026	18.900	18.664	235	235	-	
5	Trường THCS Khánh Bình	7737215	2787/QĐ-UBND	06/2026	15.936	15.833	103	103	-	
6	Trường tiểu học A Khánh An	7938642	Số 3968/QĐ-UBND	Ngày 21/08/2026	34.058	34.070	249	249	-	
7	Tuyến TDC Dân Tộc Chăm	7581697	Số 4050/QĐ-UBND	ngày 27/08/2026	59.361	59.405	163	163	-	
	Ban QLDA KV III (KV Phú Tân)				**68.495**	**63.408**	**5.127**	**4.288**	**839**	
1	Trường TH Tân Trung điểm phụ (Trung 2)	7986063	1696/QĐ-UBND	10/2025	2.503	2.489	14	-	14	
2	Nâng cấp đường xóm bãi ấp Bình Tây 1	8010921	1589/QĐ-UBND	04/2025	2.807	2.648	159	-	159	
3	Trụ sở công an Bình Thạnh Đông	7920618	2410/QĐ-UBND	06/2025	2.615	1.987	627	-	627	
4	Trường tiểu học Tân Trung điểm phụ (Vàm Nao)	7986062	3895/QĐ-UBND	8/18/2026	6.666	6.635	32	32	-	
5	Trường tiểu học Tân Trung điểm chính (Tân Thạnh)		4346/QĐ-UBND	9/18/2026	29.345	25.148	4.196	4.196	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
6	Trụ sở UBND xã Phú Long	7935815	4320/QĐ-UBND	9/16/2026	10.235	10.229	40	40	-	
7	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở Huyện uỷ Phú Tân	8026320	4294/QĐ-UBND	9/15/2026	3.705	3.668	38	-	38	
8	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm	8024451	4322/QĐ-UBND	9/16/2026	3.540	3.522	20	20	-	
9	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND xã Phú Hiệp	8013283	4332/QĐ-UBND	9/17/2026	3.018	3.017	1	-	1	
10	XD mới VP ấp Hiệp Thạnh và H. Trường UBND xã Hiệp Xương, cải tạo VP ấp Hiệp Hòa xã H. Xương, cải tạo+mở rộng VP ấp Hưng Mỹ xã Phú Hưng	8043487	4399/QĐ-UBND	9/22/2026	4.063	4.066	1	-	1	
	Ban QLDA KV III (KV Tân Châu)				**173.693**	**171.438**	**1.899**	**1.705**	**194**	
1	Cải tạo, sửa chữa Đình Tân An	7947659	1405/QĐ-UBND	10/2025	3.238	3.232	6	-	6	
2	Tuyến kè đầu kênh Vĩnh An (đoạn từ bờ kè đến Chùa Ông)	7948572	2695/QĐ-UBND	06/2026	16.862	16.406	457	457	-	
3	Trường Mẫu giáo Vĩnh Xương điểm phụ (Ấp 4)	7945366	2122/QĐ-UBND	05/2026	3.094	3.047	47	47	-	
4	Trường Tiểu học Tân Thạnh điểm phụ (Tân Đông)	7953292	1008/QĐ-UBND	03/2026	6.318	5.878	440	440	-	
5	Trường Tiểu học Bán trú A Long Thạnh	7945368	2293/QĐ-UBND	05/2025	6.318	6.314	4	-	4	
6	Trạm y tế phường Long Thạnh	7948573	3215/QĐ-UBND	07/2026	4.593	4.566	27	27	-	
7	Trường Mẫu giáo Tân Thạnh điểm chính mới (Núi Nổi)	7953294	2211/QĐ-UBND	05/2026	7.707	7.570	137	-	137	
8	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa	7878483	2236/QĐ-UBND	05/2026	10.527	10.473	53	53	-	
9	Trường trung học cơ sở Tân An	7600640	3273/QĐ-UBND	07/2026	23.057	22.973	84	84	-	
10	Trung tâm Văn hóa Thể thao xã Lê Chánh	7947231	3281/QĐ-UBND	07/2026	4.198	4.197	1	1	-	
11	Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã Phú Lộc	7945496	3282/QĐ-UBND	07/2026	2.483	2.482	1	1	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
12	Trạm Y tế xã Lê Chánh	7947236	1314/QĐ-UBND	04/2026	5.611	5.580	31	31	-	
13	Trường Tiểu học Phú Lộc điểm phụ (Phú Bình)	7945367	1525/QĐ-UBND	04/2026	5.808	5.603	205	205	-	
14	Nhà thiếu nhi thị xã Tân Châu	7722714	3072/QĐ-UBND	07/2026	30.275	30.013	261	261	-	
15	Trường Mẫu giáo Vĩnh Xương điểm phụ (Ấp 2)		2270/QĐ-UBND	5/19/2026	2.442	2.485	14	14	-	
16	NCMR Cầu An Phú - Vĩnh Trường và đường dẫn vào cầu kết nối lưu thông với tuyến Quốc lộ 91C	8037329	Số 4180/QĐ-UBND	ngày 07/09/2026	23.799	23.718	84	84	-	
17	Trường tiểu học Long Hòa điểm phụ (Long Thạnh 2)	7988737	4244/QĐ-UBND	9/10/2026	2.846	2.491	1	1	-	
18	Sửa chữa Công an xã Phú Vĩnh	8115916	4178/QĐ-UBND	07/9/2026	1.272	1.265	7	-	7	
19	CT Trung tâm Văn hóa và học tập cộng đồng xã Long An TX Tân Châu, tỉnh An Giang	7009280	3173/QĐ-UBND	12/13/2018	7.336	7.273	0	-	0	
20	Bến tàu du lịch Tân Châu	8114101	4314/QĐ-UBND	16/09/2026	1.146	1.126	20	-	20	
21	Đầu tư trang thiết bị Trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã	8072281	4305/QĐ-UBND	16/09/2026	4.764	4.745	20	-	20	
V	BAN QLDA KHU VỰC IV				619.044	614.805	3.160	2.160	1.000	
	Ban QLDA Khu vực IV (KV Tịnh Biên)				584.430	580.896	2.455	1.467	987	
1	Trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Thới Sơn	7600608	3447/QĐ-UBND	28/12/2018	6.222	6.208	14	14	-	
2	Trường Tiểu học "B" Tân Lợi (Điểm phụ 1)	7560834	5000/QĐ-UBND	08/07/2019	1.261	1.217	45	45	-	
3	Trường Tiểu học "B" Tân Lợi (Điểm phụ 2)	7569155	6422/QĐ-UBND	16/09/2019	2.037	2.019	19	19	-	
4	Trường Mẫu giáo Tân Lợi (điểm chính mới)	7585331	2304/QĐ-UBND	24/09/2019	7.053	7.031	22	22	-	
5	Trường Tiểu học A Thới Sơn điểm chính (Sơn Tây)	7599603	243/QĐ-UBND	07/02/2020	11.816	11.678	138	138	-	
6	Trụ sở UBND xã An Phú	7548702	5009/QĐ-UBND	20/11/2020	11.729	11.670	59	59	-	
7	Trường Tiểu học A Nhơn Hưng điểm phụ (Tây Hưng)	7645063	5725/QĐ-UBND	31/12/2020	1.608	1.602	6	6	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
8	Vỉa hè đường Tân Long 2 (Giai đoạn 2)	7812939	2691/QĐ-UBND	15/07/2020	1.048	1.020	28	-	28	
9	Trung tâm văn hóa và Học tập cộng đồng xã Tân Lợi	7598776	5768/QĐ-UBND	31/12/2020	1.685	1.513	172	172	-	
10	Hàng rào + Nâng cấp, sửa chữa xã đội Biên giới An Nông	7754280	9234/QĐ-UBND	02/07/2021	563	551	12	-	12	
11	Đường GTNT kết nối đường Nguyễn Sinh Sắc đến HL9	7899325	2747/QĐ-UBND	16/06/2022	1.142	1.114	28	-	28	
12	Hội trường Văn Giáo	7820401	5982/QĐ-UBND	16/06/2022	99	92	8	-	8	
13	Xây dựng mới trụ sở Khóm Trà Sư	7903766	1976/QĐ-UBND	03/04/2023	1.109	1.056	53	-	53	
14	Xây dựng Trụ sở Công an xã An Nông	7929124	7428/QĐ-UBND	07/12/2023	5.981	5.676	305	-	305	
15	Xây dựng mới văn phòng ấp Vồ Đầu	7935817	7451/QĐ-UBND	11/12/2023	963	939	24	-	24	
16	Trường Mầm non Tuổi Ngọc điểm phụ (Phú Tâm)	7924147	737/QĐ-UBND	07/05/2024	5.263	5.228	35	35	-	
17	Trường Tiểu học An Phú điểm phụ (Phú Tâm)	7896549	962/QĐ-UBND	12/06/2024	5.933	5.917	16	16	-	
18	Xây dựng trụ sở Công an xã Nhơn Hưng	7929123	4040/QĐ-UBND	06/08/2024	4.670	4.661	9	-	9	
19	Xây dựng mới trụ sở BCHQS xã An Cư	7940213	10551/QĐ-UBND	30/09/2024	2.804	2.739	65	-	65	
20	Xây mới văn phòng ấp Mỹ Á	8017720	10615/QĐ-UBND	08/10/2024	739	712	26	-	26	
21	SLMB Công Viên khu vực cổng chào huyện (giai đoạn 3)	7894855	4467/QĐ-UBND	27/06/2025	7.054	6.627	427	-	427	
22	Trường Tiểu học An Phú điểm phụ (Phú Hòa)	7922019	1290/QĐ-UBND	30/09/2025	9.547	9.505	42	42	-	
23	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Hảo	7929114	2274/QĐ-UBND	19/05/2026	8.990	8.943	47	47	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
24	Cơ sở hạ tầng khu du lịch Núi Cấm	7954546	3256/QĐ-UBND	10/07/2026	70.723	70.533	190	190	-	
25	Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến Quốc phòng an ninh vùng Biên giới và dân tộc	7613538	3441/QĐ-UBND	20/07/2026	413.307	412.647	660	660	-	
26	Trường Trung học cơ sở An Nông. Hạng mục: 04 phòng học, san lấp, nhà vệ sinh		148/QĐ-STC	5/19/2008	521	-	2	2	-	
27	04 phòng học Trường Tiểu học "B" An Phú, Tịnh Biên		2771/QĐ-STC	12/4/2006	561	-	1	1	-	
	Ban QLDA Khu vực IV (KV Tri Tôn)				34.614	33.909	705	692	13	
1	Trụ sở UBND xã Lê Trì	7666999	5868/QĐ-UBND	15/10/2019	4.199	4.199	0	0	-	
2	Nâng cấp đường xung quanh chợ rau	8078798	2209/QĐ-UBND	24/04/2025	2.169	2.156	13	-	13	
3	Cải tạo, sửa chữa chùa Snaydonkum	7937300	1033/QĐ-UBND	23/06/2025	2.808	2.792	16	16	-	
4	Trường Tiểu học Tân Tuyến điểm phụ (Tân Lợi)	7957577	2800/QĐ-UBND	16/06/2026	3.397	3.377	20	20	-	
5	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Tân Tuyến	7927951	2865/QĐ-UBND	22/06/2026	2.230	2.217	13	13	-	
6	Trường TH Lạc Quới điểm chính (Vĩnh Hoà)	8029890	3796/QĐ-UBND	8/10/2026	19.811	19.167	644	644	-	
A.10	**Sở Nông nghiệp và Môi trường**				**70.498**	**66.887**	**221**	**221**	**-**	
1	Công trình Cống ngăn mặn Lình Huỳnh tỉnh KG (Bồi thường SLMB)		240/QĐ-STC	12/18/2014	2.770	2.764	2	2	-	
2	Đóng mới tàu Kiểm Ngư trang bị cho lực lượng Thanh Tra chuyên ngành		2870/QĐ-UBND	11/22/2021	42.681	42.727	51	51	-	
3	Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tỉnh KG năm 2015 - 2020 (GT 07 Xây lắp cho Sở NN & PTNT và các đơn vị có liên quan) (Hạng mục xây dựng Trung tâm Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kiên Giang (bổ sung))	7491010	49/QĐ-STC	5/27/2021	1.143	1.111	7	7	-	
4	Tiểu DA ĐT CSHT và TTB cho HTX VINACAM huyện Hòn Đất (Đường GTNT Kênh 12…kho chứa lúa 800T kết hợp VP làm việc)	7491010	58/QĐ-STC	6/9/2021	8.779	8.178	39	39	-	
5	Tiểu dự án đầu tư CSHT và TTB cho HTX NN kênh 5A, huyện Tân Hiệp (XD cống máng bơm điều tiết nước + mương dẫn nước sau làng)	7491010	72/QĐ-STC	7/15/2021	3.061	3.024	37	37	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
6	Tiểu dự án đầu tư CSHT và TTB cho HTX NN kênh 8A huyện Tân Hiệp (XD cống máng bơm điều tiết nước + mương dân nước sau làng)	7491010	73/QĐ-STC	7/15/2021	4.454	4.422	37	37	-	
7	Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tỉnh KG năm 2015 - 2020 (GT 07 Xây lắp cho Sở NN & PTNT và các đơn vị có liên quan)	7491010	92/QĐ-STC	9/28/2021	2.060	2.032	18	18	-	
8	Xây dựng cống máng bơm điều tiết nước vào kênh 110; mương dẫn nước kênh Sau Làng - Tiểu DA ĐT CSHT và TTB cho HTX NN Kênh 8A, huyện Tân Hiệp, KG thuộc dự án VnSat	7491010	526/QĐ-STC	12/26/2023	1.645	201	9	9	-	
9	Xây dựng cống máng bơm điều tiết nước vào đồng ruộng, mương dẫn nước kênh 110 - Tiểu DA ĐT CSHT và TTB cho HTX NN Kênh 7B, huyện Tân Hiệp, KG thuộc dự án VnSat	7491010	527/QĐ-STC	12/26/2023	1.362	220	7	7	-	
10	Xây dựng cống máng bơm điều tiết nước vào đồng ruộng, mương dẫn nước kênh Sau Làng - Tiểu DA ĐT CSHT và TTB cho HTX NN Kênh 5A, huyện Tân Hiệp, KG thuộc dự án VnSat	7491010	528/QĐ-STC	12/26/2023	1.293	965	8	8	-	
11	Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường). HM: Chi phí chuẩn bị đầu tư trên địa bàn huyện, thị, tỉnh An Giang	7880767	818/QĐ-UBND	5/22/2025	1.250	1.242	7	7	-	
A.11	**Sở Tài chính**				**49.731**	**49.375**	**383**	**383**	**-**	
1	7807149 - Lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	7807149	856/QĐ-UBND	27/05/2025	49.731	49.375	383	383	-	
A.12	**Văn phòng tỉnh ủy**				**106.449**	**106.271**	**675**	**675**	**-**	
1	Xây mới Hội trường huyện ủy Hòn Đất	7719438	18/QĐ-STC 03/02/2021	2/3/2021	6.035	5.902	133	133	-	
2	Sửa chữa, cải tạo và mua sắm trang thiết bị hội trường lớn tỉnh ủy	7793012	106/QĐ-STC 17/11/21	11/17/2021	14.719	14.619	101	101	-	
3	Nhà làm việc Thành uỷ Rạch Giá	7629584	43/QĐ-STC 18/4/22	11/17/2021	56.600	56.450	150	150	-	
4	DA xây dựng mới các hội trường cấp xã, huyện, thị, thành ủy và nhà ăn trong tỉnh để chuẩn bị phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025	7753858	50/QĐ-STC 18/05/2022	5/18/2022	26.349	26.551	193	193	-	
5	XD kho lưu trữ huyện ủy Gò Quao	8010521	1316/QĐ-UBND 10/4/26	4/10/2026	2.746	2.749	60	60	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
6	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Huyện uỷ Châu Thành	7943745	/QĐ-STC		-	-	39	39	-	
A.13	**Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh**				**5.673**	**5.826**	**55**	**55**	**-**	
1	Cải tạo, Sửa chữa trụ sở Ban dân tộc tỉnh Kiên Giang	7948733	418/QĐ-UBND 09/11/23	11/9/2023	5.673	5.826	55	55	-	
A.14	**Ban quản lý hợp phần cấp nước và VSMT tỉnh An Giang (WB6)**				**82.179**	**82.016**	**4**	**4**	**-**	
1	Tiểu hợp phần vệ sinh nông thôn thuộc dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn đồng bằng sông Cửu Long (WB6); HM: Xây mới nhà vệ sinh trường học+Nhà vệ sinh hộ gia đình+Các hoạt động hỗ trợ	7288359	125/QĐ-STC; 16/10/2020	10/16/2020	10.630	10.626	4	4	-	
A.15	**Sở Văn hóa Thể thao tỉnh An Giang**				**82.179**	**82.016**	**459**	**442**	**18**	
1	Nhà Thi đấu đa năng huyện Châu Thành thị trấn An Châu tỉnh An Giang	7604365	1964/QĐ UBND	12/18/2024	33.736	33.635	159	159	-	
2	Dự án hồ bơi 50m Thành phố Long Xuyên,Phường Bình Khánh tỉnh An Giang	7604365	595/QĐ-UBND	8/15/2025	21.918	21.840	126	126	-	
3	Nhà Bảo tàng tỉnh KG (Lập DA,KSĐC,HT PCCC, mô hình khu nhà chính)		69/QĐ-STC	4/9/2011	406	411	1	1	-	
4	Bảo tồn và phát triển ấp văn hóa truyền thống dân tộc Khmer (Bồi hoàn)		51/QĐ-STC	5/31/2021	2.476	2.477	5	5	-	
5	Trung tâm văn hoá thể thao huyện Hòn Đất (GT số 01: XDM nhà đa năng; sân nền và SLMB; GT số 08: hệ thống điện)		91/QĐ-STC	11/4/2022	9.315	9.222	6	6	-	
6	Đầu tư xây dựng Hạ tầng khu du lịch cảng Bãi Vòng, huyện Phú Quốc		13/QĐ-STC	1/12/2018	5.440	5.423	18	-	18	
7	7745221 - ĐT xây dựng công trình Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Kiên Hải	7745221	26/QĐ-STC	1/15/2024	8.886	9.009	146	146	-	
A.16	**Sở Nội vụ**				**8.268**	**8.231**	**37**	**37**	**-**	
1	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ Kiên Giang	7954129	3463/QĐ-UBND	7/21/2026	8.268	8.231	37	37	-	
A.17	**Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh AG**				**4.002**	**4.004**	**1**	**-**	**1**	
	Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ		4165/QĐ-UBND	9/6/2026	4.002	4.004	1	-	1	
A.18	**Sở Tư pháp**				**5.226**	**5.196**	**30**	**30**	**-**	
1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang		100/QĐ-STC	12/2/2022	5.226	5.196	30	30	-	
A.19	**Tỉnh đoàn**				**47.879**	**47.731**	**183**	**183**	**-**	
1	Nhà thiếu nhi huyện Chợ Mới	7574972	717/QĐ-UBND	2/27/2026	47.879	47.731	183	183	-	
A.20	**Sở Y tế**				**14.273**	**13.441**	**870**	**870**	**-**	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang (Gói thầu số 12 xây dựng nhà đặt lò đốt rác + lập BCKTKT (điều chỉnh))		112/QĐ-STC	8/30/2018	1.027	1.315	11	11	-	
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Châu Thành (CTNC) (Gt số 05 sân đường giao thông, đường dây trung thế ngầm và TBA…HT thu nước thải)		251/QĐ-STC	10/29/2018	7.630	7.320	49	49	-	
3	Bệnh viện Đa khoa huyện Gò Quao (lập đk chủ nguồn thải, lập đề án xả thải, lập đề án bảo vệ môi trường)		110/QĐ-STC	12/25/2019	402	386	16	16	-	
4	7002814 - BVĐK huyện Châu Thành	7002814	23/QĐ-STC 443/QĐ-STC 444/QĐ-STC	04/4/2023 27/11/2023	5.213	4.420	793	793	-	
A.21	**Sở du lịch**				**135.172**	**144.046**	**38**	**38**	**-**	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Du lịch Kiên Giang		100/QĐ-STC	10/31/2019	135.172	144.046	38	38	-	
A.22	**Sở Khoa học và Công nghệ KG**				**20.253**	**20.041**	**212**	**212**	**-**	
1	Công trình ĐTXD hạ tầng kỹ thuật và nhà công vụ - công trình trạm ứng dụng KHCN tại Phú Quốc	7565937	Quyết định số 44/QĐ-STC	4/29/2020	12.274	12.171	103	103	-	
2	7678076 - Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ các huyện, thị, thành phố	7678076	63/QĐ-STC	6/21/2021	363	334	29	29	-	
3	8436231 - Trạm Quan trắc cảnh báo phóng xạ tỉnh Kiên Giang	8436231	419/QĐ-STC	6/26/2025	7.615	7.536	79	79	-	
A.23	**Vườn Quốc Gia U Minh Thượng**				**-**	**-**	**61**	**61**	**-**	
1	Dự án đầu tư, khôi phục, bảo vệ và phát triển Vườn Quốc Gia U Minh Thượng (HM: Đường giao thông, vỉa hè, thoát nước khu HCDV (Giai đoạn 1))	7009697	131/QĐ-STC	8/9/2016	-	-	20	20	-	
2	Dự án đầu tư, khôi phục, bảo vệ và phát triển Vườn Quốc Gia U Minh Thượng (HM: Cầu qua kênh)	7009697	129/QĐ-STC	8/9/2016	-	-	11	11	-	
3	Đầu tư lâm sinh Vườn Quốc gia UMT (HM: GT số 05 trồng & trăm sóc rừng trồng năm 2016)	7373679	96/QĐ-STC	6/16/2016	-	-	31	31	-	
B	**DỰ ÁN DO CẤP XÃ QUẢN LÝ**				**2.345.777**	**2.198.079**	**43.836**	**35.983**	**7.853**	
B.1	**Phường Long Xuyên**				**15.204**	**15.105**	**99**	**99**	**-**	
1	7861083 - Nâng cấp đường hẻm 8	7861083	7455/QĐ-UBND	05/9/2024	733	728	4	4	-	
2	7873975 - Nâng cấp đường hẻm 77	7873975	7456/QĐ-UBND	05/9/2024	424	422	2	2	-	
3	7873983 - Nâng cấp đường Dự Định (đoạn từ đường Hà Hoàng Hổ đến Trần Bình Trọng)	7873983	7458/QĐ-UBND	05/9/2024	554	551	3	3	-	
4	7861081 - Nâng cấp hẻm KDC khóm Đông An 4	7861081	7459/QĐ-UBND	05/9/2024	487	485	3	3	-	
5	8035814 - Nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND phường Mỹ Quý	8035814	7840/QĐ-UBND	05/9/2024	1.119	1.100	19	19	-	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
6	8026685 - Nâng cấp đường, cải tạo hệ thống thoát nước mặt, làm mới hệ thống thoát nước sinh hoạt đường Trần Quốc Tảng (Nguyễn Biểu - Nguyễn Hữu Tiến)	8026685	11571/QĐ-UBND	25/12/2024	1.682	1.672	10	10	-	
7	7868141 - Xây dựng Văn phòng khóm Đông Thành	7868141	8852/QĐ-UBND	10/16/2024	2.042	2.031	12	12	-	
8	7816557 - Nâng cấp, cải tạo HTTN mặt, làm mới HTTN sinh hoạt đường Trần Cảnh, đường Trần Thủ Độ và đường Nguyễn Chánh Nhì	7816557	9170/QĐ-UBND	24/10/2024	4.725	4.697	27	27	-	
9	7887971 - Nâng cấp đường, cải tạo HTTN mặt, HTTN sinh hoạt đường Trần Nguyên Đán	7887971	9237/QĐ-UBND	10/28/2024	3.439	3.419	20	20	-	
B.2	**Phường Bình Đức**				**22.293**	**21.878**	**445**	**445**	**-**	
1	7675030 - Xây dựng Ban Chỉ huy quân sự xã Mỹ Khánh	7675030	5698/QĐ-UBND	6/13/2025	2.813	2.604	209	209	-	
2	7894854 - Xây dựng trụ sở Công an xã Mỹ Khánh	7894854	4873/QĐ-UBND	5/23/2025	5.727	5.684	43	43	-	
3	7367564 - Xây dựng công trình thủy lợi hai đầu kênh Thầy Lộc	7367564	655/QĐ-UBND	1/1/2025	876	871	5	5	-	
4	7368482 - ĐBKK Mương Ngươn - Kênh 3 xã (GĐ2: Đắp bờ bằng cơ giới bộ)	7368482	656/QĐ-UBND	1/1/2025	1.062	1.056	6	6	-	
5	7772740 - Nâng cấp 2 tuyến đường Dự Định, khóm Bình Khánh I	7772740	6272/QĐ-UBND	6/1/2025	593	589	3	3	-	
6	7874447 - Nâng cấp, mở rộng đường Bà Bóng (bờ phải)	7874447	5696/QĐ-UBND	6/1/2025	1.023	1.018	6	6	-	
7	7896798 - NC hẻm đường Trần Hưng Đạo khóm Bình Thới 2	7896798	6281/QĐ-UBND	6/1/2025	846	801	5	5	-	
8	7949988 - Xây dựng đường cầu Câu Quàng (bờ phải)	7949988	1375/QĐ-UBND	2/19/2025	288	281	7	7	-	
9	7949989 - Xây dựng đường cầu Ông Câu (bờ phải)	7949989	1376/QĐ-UBND	2/19/2025	477	466	11	11	-	
10	7543725 - Cải tạo trụ sở UBND và XD nhà vệ sinh - UBND xã Mỹ Khánh 2016	7543725	5488/QĐ-UBND	6/1/2025	288	377	11	11	-	
11	7562117 - Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Mỹ Khánh	7562117	5492/QĐ-UBND	6/1/2025	810	754	55	55	-	
12	7634319 - Xây dựng Văn phòng ấp Bình Khánh	7634319	5699/QĐ-UBND	6/1/2025	883	878	5	5	-	
13	7634320 - Xây dựng văn phòng ấp Bình Hòa	7634320	5700/QĐ-UBND	6/1/2025	914	908	5	5	-	
14	7711051 - Xây dựng Văn phòng khóm Bình Khánh 1	7711051	6288/QĐ-UBND	6/1/2025	707	701	4	4	-	
15	7904527 - Xây dựng văn phòng ấp Bình Hòa 2	79004527	5701/QĐ-UBND	6/1/2025	1.026	1.020	6	6	-	
16	8030078 - Cải tạo 03 Văn phòng ấp và trụ sở UBND xã Mỹ Khánh	8030078	4879/QĐ-UBND	5/1/2025	1.318	1.258	33	33	-	
17	8003407 - Nâng cấp đường Mương Tường - Ngã Bát	8003407	4941/QĐ-UBND	5/1/2025	887	866	21	21	-	
18	8030673 - Xây dựng đường Bốn Sầm bờ trái	8030673	4799/QĐ-UBND	5/1/2025	1.755	1.745	10	10	-	
B.3	**Phường Hà Tiên**				**62.171**	**58.850**	**3.291**	**3.291**	**-**	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
1	Dự án ĐTXD công trình Đường nhánh vào Đồn Biên phòng Hà Tiên (từ chốt gác quốc phòng Mương Đào đến trạm kiểm soát biên phòng Vàm Hàng thuộc đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)	7457184	1154/QĐ-STC	5/16/2018	27.461	25.242	2.219	2.219	-	
2	Nâng cấp mở rộng, ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật Đường Đống Đa và khu Đông Hồ	7799688	238/QĐ-UBND	1/19/2026	10.357	10.254	103	103	-	
3	Sửa chữa các điểm trường hằng năm	8099834	306/QĐ-UBND	1/23/2026	4.638	4.570	68	68	-	
4	Cầu tàu Tiên Hải	7016202	2369/QĐ-UBND	5/1/2026	9.178	9.139	235	235	-	
5	Sửa chữa các điểm trường trên địa bàn thành phố Hà Tiên	8148525	342/QĐ-UBND	1/1/2026	9.240	8.689	551	551	-	
6	CSHT trung tâm thương mại thị xã Hà Tiên (Hệ thống giao thông, vỉa hè, bó vỉa hè)	7016004	260/QĐ-STC	11/16/2018	1.297	955	116	116	-	
B.4	**Phường Tô Châu**				**14.701**	**14.523**	**210**	**143**	**67**	
1	Đường Bãi Ớt - Mũi Dừa (từ QL 80 đến đường Mũi Dừa)	8045795	1387/QĐ-UBND	12/30/2025	2.293	2.150	143	143	-	
2	Hệ thống xử lý nước thải xã đảo Tiên Hải	7863742	80/QĐ-UBND	1/22/2026	5.173	5.131	43	-	43	
3	Trường mầm non Dương Hoà - điểm chính Ngã Tư	8032211	1973/QĐ-UBND	19/6/2025	7.235	7.242	24	-	24	
B.5	**Phường Rạch Giá**				**1.319.884**	**1.242.324**	**18.149**	**18.149**	**-**	
1	Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MDR-UUP - tiểu dự án TP Rạch Giá	7279447	1731/QĐ-UBND; 2565/QĐ-UBND; 362/QĐ-STC; 475/QĐ-STC; 393/QĐ-STC; 2751/QĐ-UBND; 3219/QĐ-UBND	01/8/2019; 06/11/2020; 05/10/2023; 28/5/2024; 05/12/2024; 20/6/2025; 24/6/2025; 12/6/2026; 08/7/2026	1.319.884	1.242.324	18.149	18.149	-	
B.6	**Xã U Minh Thượng**				**17.035**	**16.780**	**244**	**-**	**244**	
1	Đường kênh Lục út (kênh làng-ba nghĩa-chống mỹ)	7676871	5045/QĐ-UBND	10/11/2021	2.099	2.087	12	-	12	
2	Đường kênh Lung còng cọc-ấp Minh Cường-Minh Tân GTNT 2018	7718416	5046/QĐ-UBND	10/11/2021	2.063	2.051	12	-	12	
3	Đường kênh 9B-ấp Minh Kiên GTNT 2018	7676869	5094/QĐ-UBND	12/31/2021	2.291	2.277	14	-	14	
4	Trụ sở UBND xã An Minh Bắc-XDM trụ sở và các HM phụ trợ	7655880	1954/QĐ-UBND	6/22/2022	8.865	8.865	16	-	16	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
5	Trường Mầm Non An Minh Bắc (GDD2)	8077518	1830/QĐ-UBND	5/5/2025	1.717	1.500	190	-	190	
B.7	**Xã Tây Yên**				**37.897**	**6.282**	**9.226**	**9.103**	**123**	
1	Đường 2 Tốt - Mương Quao	8113287	5156/QĐ-UBND	6/23/2025	8.057	1.593	1.593	1.593	-	
2	Cầu ngang kênh Mương Quao	8117264	5142/QĐ-UBND	6/24/2026	2.614	123	123	-	123	
3	Đường Thứ Ba Biển	8067861	5201/QĐ-UBND	5/8/2025	10.245	242	242	242	-	
4	Đường Chống Mỹ (bờ Tây)	8034537	4576/QĐ-UBND	5/8/2026	5.740	175	175	175	-	
5	Đường Thứ Nhất - Xẻo Dinh (bờ Tây)	8089717	5125/QĐ-UBND	6/20/2025	6.659	1.517	5.142	5.142	-	
6	Đường kênh Đường Xuồng	8813286	5127/QĐ-UBND	6/20/2025	2.881	1.016	1.865	1.865	-	
7	Đường Ông Thọ; Đường 3 Cượng; Đường Chống Mỹ (bờ Tây)		4999/QĐ-UBND	6/13/2025	1.701	1.615	86	86	-	
B.8	**Xã Gò Quao**				**2.737**	**2.279**	**40**	**-**	**40**	
1	Tuyến kênh Ông Ga, xã Vĩnh Phước B	8083060	11573/QĐ-UBND	12/31/2024	1.113	987	2	-	2	
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà khách nội bộ Huyện ủy	8126028	3988/QĐ-UBND	6/26/2025	825	620	27	-	27	
3	Hội trường Thị trấn Gò Quao (HM: Mua sắm thiết bị)	8105361	3953/QĐ-UBND	6/20/2025	799	671	11	-	11	
B.9	**Xã Vĩnh Hòa Hưng**				**29.060**	**5.313**	**4.652**	**3.525**	**1.127**	
1	Tuyến kênh KH9 - Bốn Thước, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	8023413	2726/QĐ-UBND	6/6/2024	1.115	1.103	12	-	12	
2	Cầu Tài Phú, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	8083057	3973/QĐ-UBND	6/25/2025	6.392	1.103	757	-	757	
3	Tuyến Kênh Bào Mát, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	8081972	3521QĐ-UBND	5/30/2025	2.443	2.111	332	-	332	
4	Hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Nam và các hạng mục phụ	8118144	3987/QĐ-UBND	6/26/2025	1.022	996	26	-	26	
5	Bờ kè chống sạt lở Cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Hoà Hưng Nam	8043484	2131/QĐ-UBND	10/14/2026	18.088	-	3.525	3.525	-	
B.10	**Xã Sơn Kiên**				**11.954**	**10.961**	**928**	**-**	**928**	
1	Trụ sở UBND xã Sơn Bình (San lấp mặt bằng, đường vào, đường xung quanh, hàng rào, điện chiếu sáng)	8057925	2680/QĐ-UBND	5/27/2025	4.006	3.861	80	-	80	
2	Đường bờ đông kênh 9 (ranh xã Sơn Kiên - ranh xã Thổ Sơn)	8115618	524/QĐ-UBND	3/13/2026	4.907	4.400	507	-	507	
3	Cầu Ngã 3 Giàn Gừa	8094850	523/QĐ-UBND	3/13/2026	3.041	2.700	341	-	341	
B.11	**Xã Mỹ Thuận**				**1.956**	**1.750**	**206**	**-**	**206**	
1	Cầu kênh Sóc (Đường bờ tây kênh Tà Lúa)	8101816	3293/QĐ-UBND	11/6/2025	1.956	1.750	206	-	206	

STT	Danh mục	Mã dự án	Quyết định phê duyệt quyết toán	Thời gian phê duyệt QT (gốc)	Giá trị quyết toán được duyệt	Giá trị đã thanh toán	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương			Ghi chú
							Tổng	NST	NS cấp huyện	
B.12	**Xã Đông Thái**				**522.120**	**517.545**	**177**	**177**	**-**	
1	Trường TH Đông Thái 2	7983858	5051/QĐ-UBND	6/16/2026	4.143	3.916	177	177	-	
B.13	**Xã An Biên**				**268.999**	**265.339**	**5.553**	**436**	**5.117**	
1	Đường Thầy Cai	8049163	3475/QĐ-UBND	28/8/2024	966	905	62	-	62	
2	Quy hoạch điều chỉnh mở rộng TT Thứ Ba	7353824	7951/QĐ-UBND	15/11/2024	509	493	16	16	-	
3	Đường Lung Xẻo Đước	8033550	2018/QĐ-UBND	23/01/2025	1.767	1.417	350	33	317	
4	Đường kênh hậu TT Thứ Ba (khu tái định cư - kênh Lục đông - cuối tuyến tránh Thứ Ba cầu Xẻo Kè)	7892146	5011/QĐ-UBND	16/6/2025	7.479	7.000	746	65	681	
5	Cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô)	7924630	5388/QĐ-UBND	30/6/2025	238.257	238.475	1.407	-	1.407	
6	Đường kênh Ngang	8119839	5085/QĐ-UBND	6/17/2025	2.162	1.358	804	-	804	
7	UBND xã Đông Yên		5097/QĐ-UBND	6/17/2025	5.773	4.750	1.023	-	1.023	
8	Đường GTNT Kênh Đồng Nai (bờ nam) đoạn kênh Bào Môn - Đất ông Được	8076979	58a/QĐ-UBND	5/28/2025	1.160	1.140	20	20	-	
9	Đường GTNT Kênh Mới (bờ tây) đoạn kênh 5000 - nhà ông 9 Diễn	8076612	60/QĐ-UBND	5/28/2025	1.907	1.828	79	79	-	
10	Đường kênh Thứ Ba (bờ Đông)`	7558107	5442/QĐ-UBND	12/5/2019	4.706	4.309	397	-	397	
11	Đường kênh ngang xã (bờ tây)	7559426	2596/QĐ-UBND	6/18/2018	4.312	3.664	649	222	427	
B14	**Xã Tri Tôn**				**19.766**	**19.151**	**615**	**615**	**-**	
1	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã nối dài xã Núi Tô - thị trấn Tri Tôn.	8039480	2765/QĐ-UBND	5/15/2025	19.766	19.151	615	615	-	